

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đặng Hữu Tiếp**.

2. Ông **Cao Châu Tiếp**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Ngô Lê Quế Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 235/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1997; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Luật sư Phạm Ngọc D – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: 141, tổ 6, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của luật sư Phạm Ngọc D - bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H trình bày:*

Vào năm 2017 tôi và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27/2018 ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn tôi và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên gây gổ, cãi vã

nhau. Mặc dù đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2018 đến nay tôi và ông T đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Mỹ H về quá trình kết hôn. Từ khi vợ chồng cưới nhau tới nay thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ tháng 4/2018 bà H đã bỏ nhà đi nhiều lần, nhưng sau đó đã về thì vợ chồng vẫn bình thường, không có gây gổ, cãi vã gì.

Nay ông có ý kiến như sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: Do còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì.
- + Về con chung: không có.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: ông Nguyễn Thanh T trình bày: Cô H trình bày như trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên nhân mâu thuẫn như vậy là không đúng vì công việc tôi thường xuyên công tác vắng nhà nên không có việc vợ chồng gây gổ. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của cô H tôi đồng ý, vì vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Luật sư Phạm Ngọc D bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H trình bày: Bà H và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào cuối năm 2017, quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, bà H nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H phía ông T cũng đồng ý ly hôn, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: không có

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Trần Thị Mỹ H.

Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh T tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, phía ông T trình bày ý kiến tại bản tự khai và tại các biên bản hòa giải không đồng ý ly hôn do vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày ý kiến là cũng đồng ý ly hôn với bà H. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà H và ông T ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông T khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của luật sư và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ H.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- **Về Con chung:** không có

- **Về tài sản chung, nợ chung:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; bà H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0001659 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên cần trừ xem như bà H đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ. Ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã Đ, Huyện H, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa